

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 234/2021/DS-ST
Ngày: 05/5/2021
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-DS ngày 17/3/2020, về “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-DS ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, năm 1983; địa chỉ: 207/3 Khu phố A, đường B, phường T, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh.(có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hữu Y, sinh năm 1992; địa chỉ: 69B đường Đ, ấp Z, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.(có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tôn Kế A, sinh năm 1958; địa chỉ: 69B đường Đ, ấp Z, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Tân D, sinh năm 1984, địa chỉ: 6/2 ấp A, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn D trình bày:

Ông D nhận thi công đá hoa cương tại căn nhà 69B đường Đ, ấp Z, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cho ông Lê Hữu Y, theo Bản hợp đồng nội bộ thi công đá hoa cương ngày 04/11/2019, gồm: 45m² mặt tiền ba tầng lầu đá trắng muối sà cừ, giá 1.700.000 đồng/m²; 37m cầu thang bằng đá Josa + đá trắng poca, giá 1.350.000 đồng/m²; 250.000 đồng/mét dài len cầu thang, chiều nghi; 800.000

đồng/m² đá trắng mặt bếp. Khi thi công được 7m² tại mặt tiền tầng một sau khoảng một tuần thì ông Y hủy hợp đồng với lý do đá xấu, thi công chậm. Ông D cho rằng ông không có lỗi trong việc hủy hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu ông Y phải thanh toán tổng số tiền là 49.000.000 đồng, bao gồm: 34.000.000 đồng tiền 20m² đá đã đưa đến công trình theo đơn giá 1.700.000 đồng/m² tại hợp đồng, 10.000.000 đồng tiền công, 5.000.000 đồng bồi thường do hủy hợp đồng.

Tại Bản tự khai ngày 21/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Hữu Y trình bày:

Ông Lê Hữu Y xác nhận các nội dung về việc ký hợp đồng, diện tích đá dự kiến thi công, đơn giá, số đá đã đưa đến công trình, số đá đã thi công xong nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng: hai bên đã tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng do đá xấu, nứt, ố, thi công quá chậm đã bị phản ánh, nhắc nhiều lần mà không khắc phục; ông đã thanh toán cho ông D đủ tiền 7m² đá đã thi công xong và tiền mua lại 8,3m² đá chưa thi công; hai bên đã chấm dứt mọi quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ ngày 14/11/2019.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt ngày 11/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Kế A trình bày: Ông là chủ căn nhà 69B đường Đ, ấp Z, xã Đ, huyện Hóc Môn nhưng giao cho con rể là Lê Hữu Y quyết định việc xây dựng, ốp đá. Trong quá trình thi công, ông thấy ông D làm không tốt, không đạt, đá xấu, đường ráp mẻ răng cưa, nứt mẻ nhiều nơi, thi công quá chậm nhưng không khắc phục. Ông chứng kiến hai bên đo đạc số đá đã thi công, số đá còn lại, ông Y trả cho ông D 10.700.000 đồng và chấm dứt hợp đồng vào lúc 14 giờ ngày 14/11/2019, chính ông là người mở công cho ông D ra về, hai bên không còn liên quan đến nhau nên ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông D. Ông xin vắng mặt, cam kết không thắc mắc, khiếu nại.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt ngày 11/8/2020, người làm chứng là ông Nguyễn Tân D trình bày: Ông là phụ hồ tại căn nhà ông Y từ đầu đến cuối. Ông chứng kiến D bắt đầu ốp tại tầng một từ khoảng tháng 11/2019 nhưng làm rất chậm, rất cầu thả, có vẻ không biết cách làm, khi đá được ốp lên thì có nhiều đường răng cưa, nứt, ố, đá cắt không chuẩn nhưng ông D không khắc phục. Khoảng một tuần sau thì thấy hai bên đi đo đạc tính tiền, ông thấy ông D nhận tiền của ông Y và ra về. Theo ông, ông D là bên có lỗi nhưng không khắc phục nên ông Y hủy hợp đồng là đúng. Ông cam kết lời khai của mình là đúng sự thật và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Văn D yêu cầu ông Lê Hữu Y phải thanh toán tổng số tiền là 31.300.000 đồng, bao gồm: 11.900.000 đồng tiền 7m² đá đã thi công xong theo giá hợp đồng là 1.700.000 đồng/m², 14.400.000 đồng tiền 12 m² đá còn lại theo giá 1.200.000 đồng/m², 5.000.000 đồng bồi thường do hủy hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Hữu Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng mặc dù phía nguyên đơn là người có lỗi nhưng hai bên đã tự nguyện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, ông đã trả đủ tiền và nhận hóa đơn bán lẻ do nguyên

đơn giao, hai bên không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: theo Hợp đồng và sự thừa nhận của các bên thì ông D đã đưa đến công trình 20m² đá hoa cương, thi công xong 7m²; việc hủy hợp đồng được xác định do lỗi của ông D nhưng ông Y phải trả cho ông D tiền đá đã thi công xong; ông D tự ý để lại đá chưa thi công không bàn giao nên không xác định được khối lượng nhưng ông Y thừa nhận mua lại 8,3m² theo giá hóa hơn bán lẻ của ông D nên ông Y phải trả tiền đối với số đá còn lại theo sự thừa nhận của mình. Ông Y cho rằng đã trả đủ tiền cho ông D nhưng không có chứng cứ chứng minh nên phải trả tiền đối với 7m² đá đã thi công và 8,3m² đá thừa nhận mua lại; các yêu cầu khác của ông D là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, căn cứ các Điều 385, 398, 428, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền do đơn phương hủy hợp đồng thi công đá hoa cương; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng thi công, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Kế A có đơn xin vắng mặt. Sự vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xem xét, thẩm định tại chỗ: Các đương sự không có yêu cầu; các bên xác nhận tại công trình không còn đá chưa thi công, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 12/2019. Do đó, việc xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định số đá hoa cương chưa thi công còn lại là không cần thiết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, ông Trần Văn D thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ yêu cầu thanh toán 20m² đá theo đơn giá 1.700.000 đồng/m² thành yêu cầu thanh toán 7m² đá đã thi công xong theo đơn giá 1.700.000 đồng/m² và 12m² đá còn lại chưa thi công theo đơn giá 1.200.000 đồng/m²; giữ nguyên yêu cầu trả 5.000.000 đồng tiền bồi thường hợp đồng; đồng thời không yêu cầu thanh toán 10.000.000 đồng tiền công thợ. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Đối với việc chấm dứt hợp đồng:

Căn cứ Bản hợp đồng nội bộ thi công đá hoa cương ngày 04/11/2019 được ký kết giữa ông Lê Hữu Y và ông Trần Văn D, có căn cứ xác định: Ông Trần Văn D là người nhận thi công đá hoa cương tại căn nhà 69B đường Đ, ấp Z, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, gồm mặt tiền ba tầng lầu, cầu thang, chiếu nghỉ, bàn bếp. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 385, Điều 398 Bộ luật dân sự 2015.

Hai bên thống nhất thời gian thực tế thi công là từ ngày 07/11/2019 đến ngày 14/11/2019, khối lượng đá đã thi công xong tại mặt tiền tầng một là $7m^2$; cạnh đá bị mẻ răng cưa, đá có bị nứt, ố; thi công chậm đã được thông báo, nhắc nhở từ 3 – 4 ngày trước nhưng không khắc phục.

Tại phiên tòa, ông D tự xác nhận một thợ và một phụ thi công trung bình một ngày là $4m^2$ đá hoa cương, thực tế thi công tại công trình là 02 thợ và 01 phụ từ ngày 07 đến 14 tháng 11 năm 2019. Như vậy, trong 07 ngày thi công được $7m^2$ phải được xác định là quá chậm đúng theo trình bày của ông Y; ông D cho rằng đã bố trí thêm thợ, chưa kịp đưa đến công trình là không thuyết phục.

Tại hợp đồng, hai bên không xác định thời hạn thi công, chất lượng đá nhưng có ghi nhận “thi công đúng kỹ thuật yêu cầu của khách hàng và bảo hành chất lượng đá”. Ông D thừa nhận phía ông Y có phản ánh về việc cạnh đá bị mẻ răng cưa, nứt, ố nhưng không khắc phục là vi phạm thỏa thuận đã ký tại hợp đồng. Việc ông D cho rằng chỉ cần khắc phục bằng cách đổ keo, đánh bóng nhưng không được phía ông Y chấp nhận là thiếu thiện chí.

Như vậy, phía ông D là bên có lỗi, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng nhưng không khắc phục nên phía ông Y có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 428 Bộ luật dân sự 2015.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền 31.300.000 đồng (gồm $7m^2$ đá đã thi công xong theo đơn giá 1.700.000 đồng/ m^2 , $12m^2$ đá còn lại chưa thi công theo đơn giá 1.200.000 đồng/ m^2 , 5.000.000 đồng tiền bồi thường hợp đồng):

[4.2.1] Đối với số tiền 11.900.000 đồng là tiền $7m^2$ đá đã thi công xong theo đơn giá tại hợp đồng 1.700.000 đồng/ m^2 : Hai bên đồng ý thống nhất $7m^2$ đá đã thi công xong là 11.900.000 đồng theo đơn giá 1.700.000 đồng/ m^2 . Ông Y cho rằng ông D đồng ý nhận 6.000.000 đồng do chất lượng đá không đảm bảo và đã nhận đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh, đồng thời ông D cũng không thừa nhận nên trình bày của phía ông Y là không có cơ sở xem xét. Vì vậy, ông Y phải thanh toán cho ông D số tiền 11.900.000 đồng.

[4.2.2] Đối với số tiền 14.400.000 đồng là tiền của $12m^2$ đá hoa cương còn để lại tại công trình theo đơn giá 1.200.000 đồng/ m^2 : Hai bên xác nhận ông D đưa đến công trình $20m^2$ đá, đã thi công $7m^2$ nhưng không thống nhất số đá còn lại do có hao hụt, hư hỏng khi thi công, ông D cho là $12m^2$, ông Y cho là $8,3m^2$. Mặc dù ông D tự ý để lại số đá chưa thi công mà không bàn giao cụ thể khi chấm dứt hợp đồng, nhưng phía ông Y thừa nhận mua lại $8,3m^2$ nên chỉ có cơ sở xác định số đá còn lại theo thừa nhận của ông Y. Tại 02 hóa đơn bán lẻ do ông D cung cấp có 02 loại đá với 02 đơn giá khác nhau, trong đó $4,332m^2$ là 1.050.000 đồng/ m^2 , $15,66m^2$

là 1.200.000 đồng/m² nên việc ông Y thừa nhận (4,5m² x 1.200.000 đồng/m²) + (1,8m² đá xám xanh x 1.050.000 đồng/m²) + (2m² đá xám xanh x 1.200.000 đồng/m²) = 9.690.000 đồng là có cơ sở. Ông Y cho rằng đã thanh toán số tiền này cho ông D nhưng không có chứng cứ chứng minh, việc ông D giao cho ông Y giữ bản chính 02 hoá đơn bán lẻ tiền mua đá tại mặt sau ông Y tự ghi thông tin về số đá đã làm, số đá còn lại kèm giá tiền mà không có chữ ký xác nhận của ông D và không được ông D thừa nhận, cũng như việc ông Nguyễn Tân D làm chứng có thấy ông Y giao tiền cho ông D không đủ cơ sở xác định ông Y đã thanh toán số tiền này cho ông D. Vì vậy, ông Y phải thanh toán cho ông D số tiền mua lại 8,3m² đá là 9.690.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông D yêu cầu ông Y phải trả số tiền 4.710.000 đồng (14.400.000 đồng – 9.690.000 đồng) là số tiền chênh lệch do ông D yêu cầu thanh toán 12m² đá theo đơn giá 1.200.000 đồng/m².

[4.2.3] Đối với số tiền bồi thường hợp đồng 5.000.000 đồng: như nhận định tại mục [4.1], việc chấm dứt hợp đồng là do lỗi của ông D nên yêu cầu này của ông D là không có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Đối với số tiền 10.000.000 đồng là tiền công thợ: Tại phiên tòa, ông D tự nguyện không yêu cầu ông Y phải thanh toán số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D, buộc ông Lê Hữu Y phải thanh toán cho ông D tổng số tiền 21.590.000 đồng, gồm 11.900.000 đồng đối với 7m² đá đã thi công xong và 9.690.000 đồng tiền mua 8,3m² đá còn lại chưa thi công nhưng được trừ đi số tiền ông D thừa nhận đã tạm ứng 5.000.000 đồng, còn lại phải thanh toán số tiền 16.590.000 đồng.

[5] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 385, 398, 428, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D:

Buộc ông Lê Hữu Y phải thanh toán cho ông Trần Văn D số tiền 16.590.0000 đồng, theo Bản hợp đồng nội bộ thi công đá hoa cương ngày 04/11/2019 được ký kết giữa ông Trần Văn D và ông Lê Hữu Y.

Kể từ ngày ông Trần Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hữu Y chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D, về việc yêu cầu ông Lê Hữu Y thanh toán số tiền 9.710.000 đồng, gồm 4.710.000 đồng là tiền đá hoa cương còn để lại và 5.000.000 đồng tiền bồi thường hợp đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hữu Y phải chịu số tiền 829.500 đồng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần Văn D phải chịu số tiền 485.500 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.225.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0077814 ngày 17/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Trả lại cho ông Trần Văn D số tiền 739.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy